

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý II năm 2023 Cho năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023	2-5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý II năm 2023 Cho năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2023 Cho năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023	7-8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính quý II năm 2023 Cho năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023	9-44
6. Báo cáo tình hình biến động vốn quý II năm 2023 Cho năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023	45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.365.544.379.434	2.948.773.814.603
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	435.719.337.557	661.584.470.016
1. Tiền	111		147.161.680.023	246.533.945.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		288.557.657.534	415.050.524.806
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		435.857.740.900	419.487.975.260
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	428.776.761.041	411.234.654.185
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(25.768.510.553)	(70.206.245.476)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	32.849.490.412	78.459.566.551
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.243.135.706.831	1.658.877.735.707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	512.704.606.640	245.601.469.802
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.832.406.645	4.881.010.992
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		401.185.579	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.532.019.342.997	1.253.776.584.819
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	242.478.386.935	205.272.732.073
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(51.300.221.965)	(50.654.061.979)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		208.552.432.870	176.357.615.424
1. Hàng tồn kho	141	V.8	208.645.055.555	176.450.238.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(92.622.685)	(92.622.685)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.279.161.276	32.466.018.196
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	10.419.496.660	6.914.169.570
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.765.869.725	24.464.664.503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	93.794.891	1.087.184.123
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.028.785.090.967	1.207.430.137.898
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.647.666.023	14.087.075.891
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	8.647.666.023	14.087.075.891
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		635.055.807.456	664.800.270.554
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	508.944.543.503	529.506.457.736
- Nguyên giá	222		934.669.684.891	930.859.251.003
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(425.725.141.388)	(401.352.793.267)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	105.138.361.231	115.576.177.542
- Nguyên giá	225		176.776.989.123	179.414.752.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(71.638.627.892)	(63.838.575.083)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	20.972.902.722	19.717.635.276
- Nguyên giá	228		68.456.059.418	65.094.314.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.483.156.696)	(45.376.679.142)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.400.881.116	6.861.203.616
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	7.400.881.116	6.861.203.616
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		202.473.465.144	335.192.949.842
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	96.123.665.144	95.313.047.620
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	50.811.800.000	234.879.902.222
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	55.538.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		175.207.271.228	186.488.637.995
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	56.626.964.261	59.500.438.897
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	7.074.498.977	16.909.626.460
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		7.859.409.869	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	103.646.398.121	110.078.572.638
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.394.329.470.401	4.156.203.952.501

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.596.778.112.395	1.439.105.078.642
I. Nợ ngắn hạn	310		1.212.774.350.711	919.343.343.635
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	54.472.983.177	61.203.238.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	9.659.898.833	9.736.942.551
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	17.802.615.101	27.050.371.091
4. Phải trả người lao động	314	V.19	44.346.215.438	117.560.864.746
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20a	34.875.719.765	29.561.534.984
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a, c	14.233.745.087	12.566.176.359
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a, c	986.707.293.862	633.017.878.282
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		22.029.542.691	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	28.646.336.757	28.646.336.757
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		384.003.761.684	519.761.735.007
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.20b	201.369.863	1.157.808.218
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b, c	301.436.346.476	439.254.408.157
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	76.763.336.208	73.068.652.932
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.25	5.602.709.137	6.280.865.700
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

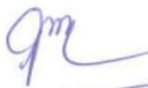
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.797.551.358.006	2.717.098.873.859
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.797.551.358.006	2.717.098.873.859
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	754.647.000.000	754.647.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		754.647.000.000	754.647.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	225.070.638.380	225.070.638.380
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	10.803.664.400	10.803.664.400
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	1.204.759.880.354	1.155.182.771.113
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.151.167.251.685	1.155.182.771.113
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		53.592.628.669	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	602.270.174.872	571.394.799.966
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.394.329.470.401	4.156.203.952.501

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2023



Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập



Tạ Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


(Đơn vị: đồng)

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	358.317.319.803	415.193.166.780	586.847.127.139	745.795.382.847
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.571.343.512	3.803.598.427	6.854.648.684	6.774.336.820
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		354.745.976.291	411.389.568.353	579.992.478.455	739.021.046.027
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	294.464.598.721	328.464.355.438	491.649.519.687	575.298.107.142
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.281.377.570	82.925.212.915	88.342.958.768	163.722.938.885
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	95.805.127.670	305.963.224.726	154.620.884.681	380.853.548.701
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	26.522.897.026	85.612.939.652	29.289.021.869	105.460.013.022
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.785.610.611	36.511.542.836	46.937.663.962	56.233.944.376
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	810.617.525	6.376.559.679	810.617.525	6.551.554.911
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	16.546.862.754	12.881.262.120	31.740.674.263	24.478.495.677
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.773.109.138	77.522.991.134	65.762.404.581	131.567.568.814
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95.054.253.847	219.247.804.414	116.982.360.261	289.621.964.984
12. Thu nhập khác	31	VI.8	361.771.435	107.603.578	706.603.156	1.015.056.975
13. Chi phí khác	32	VI.9	926.010.353	263.812.875	4.164.121.877	2.886.567.487
14. Lợi nhuận khác	40		(564.238.918)	(156.209.297)	(3.457.518.721)	(1.871.510.512)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94.490.014.929	219.091.595.117	113.524.841.540	287.750.454.472
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	8.068.018.553	39.954.811.071	12.556.513.282	61.053.947.259
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, 24	7.287.070.956	(41.225.893.655)	16.500.271.687	(35.055.408.586)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		79.134.925.420	220.362.677.701	84.468.056.571	261.751.915.799
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		58.277.853.208	229.823.253.553	53.592.628.669	254.033.919.303
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.857.072.211	(9.460.575.850)	30.875.427.902	7.717.996.496
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	772	3.045	710	3.366
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	772	3.045	710	3.366

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2023


Trương Thị Hồng Nhạn
 Người lập


Tạ Hoàng Sơn
 Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Việt
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		113.524.841.540	287.750.454.472
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 12, 13, 15	42.489.486.361	39.786.476.919
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 7, 25	(18.204.955.454)	39.337.510.518
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.814.996.535	4.735.696.199
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(96.073.859.268)	(352.917.639.697)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	46.937.663.962	56.233.944.376
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		90.488.173.676	74.926.442.787
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(253.294.663.057)	3.718.761.999
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(32.194.817.446)	(55.251.090.422)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(77.336.596.785)	52.479.461.407
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(417.372.454)	(2.239.458.052)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(17.542.106.856)	183.662.479.081
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20, VI.5	(47.282.785.819)	(40.353.659.372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(28.613.320.144)	(21.680.449.347)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.017.315.566)	(31.633.085)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(370.210.804.451)	195.230.854.996
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 10, 12, 13, 16a	(10.833.595.240)	(18.529.804.481)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.430.661.496	916.212.673
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(313.031.941.908)	(3.208.876.458.951)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.001.850.000	2.727.986.304.912
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		183.257.484.698	(564.388.472.609)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	441.500.971.177
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a, VI.4	43.531.854.769	80.602.636.478
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(72.643.686.185)	(540.788.610.801)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

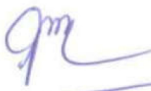
Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22a, b	971.143.862.788	1.139.119.675.007
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22a, b	(748.431.577.537)	(909.382.691.861)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22a	(9.794.774.390)	(9.306.615.624)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		4.017.315.566	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		216.934.826.427	220.430.367.522
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(225.919.664.209)	(125.127.388.283)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	661.584.470.016	524.516.272.408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		54.531.750	90.769.512
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	435.719.337.557	399.479.653.637



Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập



Tạ Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hỗ trợ dịch vụ tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 09 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	06 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Hỗ trợ dịch vụ tài chính	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn	71/1 Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh hàng may mặc da	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc; dịch vụ cho thuê văn phòng và đầu tư	99,92%	99,92%	99,92%	99,92%
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	N2-D2 KCN Dệt May Nhơn Trạch, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Hoàn thiện sản phẩm dệt, sản xuất hàng may sẵn, may trang phục, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, sửa chữa máy móc, thiết bị, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, hoạt động thiết kế dân dụng, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	99,92%	99,92%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành	06 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo	57,76%	57,76%	57,76%	57,76%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công	1, TP. Hồ Chí Minh	lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán				
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại băng, gạc y tế; sản xuất các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng	46,21%	46,21%	50,24%	50,24%
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn trang thiết bị y tế, các loại băng, gạc y tế, các loại bông y tế; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn khẩu trang y tế; Bán buôn xà phòng, chất tẩy rửa, chất làm bóng và chế phẩm vệ sinh	46,21%	46,21%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)	Số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán	57,76%	57,76%	100,00%	100,00%
Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF)	Số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	58,50%	58,50%	99,90%	99,90%

5b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng.	22,70%	24,79%
Quỹ đầu tư Cơ hội PAVO (POIF)	06 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán	31,00%	31,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

Vào ngày 10 tháng 11 năm 2022 Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công hoàn tất việc mua lại 100% phần vốn chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực và đồng thời đến ngày 31 tháng 01 năm 2023 Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công cũng hoàn tất việc xin Giấy phép mới đối

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tên Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực thành Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công. Theo đó, từ ngày 10 tháng 11 năm 2022 Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công trở thành công ty con của Công ty và Công ty đã hợp nhất số liệu của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công vào Báo cáo tài chính hợp nhất này theo đúng quy định hiện hành.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2022 Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ Đầu tư Thành Công và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công cũng đã chuyển đủ số vốn góp theo quy định vào tài khoản của Quỹ Đầu tư Thành Công. Theo đó, từ ngày 29 tháng 12 năm 2022 Quỹ Đầu tư Thành Công trở thành công ty con của Công ty và Công ty đã hợp nhất số liệu của Quỹ Đầu tư Thành Công vào Báo cáo tài chính hợp nhất này theo đúng quy định hiện hành.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 2.462 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.664 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua/bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được xác định theo chi phí nguyên vật liệu chính (đối với hoạt động sản xuất) và theo chi phí nhân công (đối với hoạt động gia công).
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là: tiền thuê đất trả trước; chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng

Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 10 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 06 - 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 20 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là chứng chỉ Leed và các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc nhận chứng chỉ. Nguyên giá của tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	28
Nhà	03 - 28

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

18. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

19. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

20. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25. Báo cáo theo bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	530.870.731	689.931.423
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	141.886.188.920	245.844.013.787
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	293.302.277.906	415.050.524.806
Cộng	435.719.337.557	661.584.470.016

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	425.776.761.041	416.784.993.887	(25.768.510.553)	408.234.654.185	348.441.223.887	(70.206.245.476)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	120.802.003.648	119.498.000.000	(3.054.739.747)	140.437.731.414	102.825.000.000	(37.612.731.414)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	48.196.133.049	42.593.640.000	(5.602.493.049)	46.151.708.528	36.775.750.000	(9.375.958.528)
Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	25.322.161.973	27.636.150.000	-	17.869.978.206	13.664.860.000	(4.205.118.206)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	84.030.549.757	93.740.240.000	-	58.370.442.215	49.275.200.000	(9.095.242.215)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	8.441.960.298	8.502.500.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	5.135.476.925	6.276.000.000	-	14.324.000.000	11.340.000.000	(2.984.000.000)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	-	-	-	27.258.000.000	35.574.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	3.897.390.871	4.655.000.000	-	14.489.824.524	15.172.500.000	-
Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	60.160.000.000	50.384.000.000	(9.776.000.000)	60.160.000.000	61.513.600.000	-
Công ty Cổ phần Vincom Retail	22.936.151.984	22.796.080.000	(140.071.984)	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	29.302.551.041	29.720.754.000	-	-	-	-
Các cổ phiếu khác	25.994.341.793	19.485.129.887	(7.195.205.773)	20.731.009.000	13.797.813.887	(6.933.195.113)
Trái phiếu	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Cộng	428.776.761.041	419.784.993.887	(25.768.510.553)	411.234.654.185	351.441.223.887	(70.206.245.476)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	70.206.245.476	60.917.871.242
Trích lập dự phòng trong năm	(44.437.734.923)	32.920.260.276
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-
Giảm do bán trong năm	-	(6.591.007.605)
Số cuối năm	25.768.510.553	87.247.123.913

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	32.849.490.412	32.849.490.412	78.459.566.551	78.459.566.551
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng	24.049.490.412	24.049.490.412	21.360.986.301	21.360.986.301
Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	8.800.000.000	8.800.000.000	57.098.580.250	57.098.580.250
Dài hạn	55.538.000.000	55.538.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu kỳ hạn 8 năm của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	50.538.000.000	50.538.000.000	-	-
Cộng	88.387.490.412	88.387.490.412	83.459.566.551	83.459.566.551

(1) Khoản đầu tư vào 50.000 trái phiếu doanh nghiệp với thời hạn nắm giữ là 6 năm. Ngày đáo hạn của trái phiếu là ngày 26 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	79.503.047.620	810.617.524	80.313.665.144	79.503.047.620	-	-79.503.047.620
Quỹ đầu tư Cơ hội PAVO (POIF)	15.810.000.000	-	15.810.000.000	15.810.000.000	-	-15.810.000.000
Cộng	96.123.665.144	-	96.123.665.144	95.313.047.620	-	-95.313.047.620

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	23.600.000.000	-	23.600.000.000	-
Công ty CP Seoul Metal Việt Nam	27.211.800.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hồ Điệp ⁽ⁱ⁾	-	-	102.079.902.222	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	14.400.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Cẩm Tú ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	94.800.000.000	-
Cộng	50.811.800.000	-	234.879.902.222	-

(i) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 9.490.900 cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hồ Điệp, tương đương 10,55% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hồ Điệp (số đầu năm là 9.490.900 cổ phiếu, tương đương 10,55% vốn điều lệ).

(ii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 800.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ năng lượng Hoàng Gia, tương đương 11,26% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia (số đầu năm là 800.000 cổ phiếu, tương đương 11,26% vốn điều lệ)

(iii) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 94.800.000.000 đồng phần vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Cẩm Tú, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Cẩm Tú (số đầu năm là 94.800.000.000 đồng, tương đương 10% vốn điều lệ)

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Uniqlo Co., Ltd.	21.089.473.450	17.677.666.105
MGF Sourcing Far East., Ltd.	224.441.644.535	137.825.878.475
3rd Tr8 Apparel, Inc	39.752.782.021	-
Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến	3.033.534.016	21.792.870.633
Cửa hàng Trang thiết bị Y tế Tuyết Trang	5.577.318.609	5.108.157.966
Công ty TNHH Evolution Enterprises	3.340.807.266	7.167.289.874
Mitsubishi Corporation Fashion Co, Ltd	4.101.714.794	-
Phải thu bán tài sản tài chính Ông Lý Trường An	54.983.563.400	-
Phải thu bán tài sản tài chính Ông Lê Thanh Liêm	106.003.834.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng khác	50.379.934.349	56.029.606.749
Cộng	512.704.606.640	245.601.469.802

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính		1.939.100.000
Công ty TNHH Vật Tư Và Trang Thiết Bị Y Tế Hạnh Phú	2.173.997.620	-
BTL Worldwide Limited	903.820.681	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Bình Lợi	500.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Phần Mềm Bravo	870.000.000	-
Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Tiến Thành	318.999.780	-
Horizon Enterprise Ltd	167.980.237	-
Dezhou Yuanji Textile co., Ltd	183.165.450	-
Các nhà cung cấp khác	1.714.442.877	2.941.910.992
Cộng	6.832.406.645	4.881.010.992

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Cho các cá nhân và tổ chức khác vay</i>	<i>1.532.019.342.997</i>	<i>(38.090.900.000)</i>	<i>1.253.776.584.819</i>	<i>(38.090.900.000)</i>
Cho Ông Trần Sơn Hải vay	344.360.000.000	-	344.360.000.000	-
Cho Ông Đàm Mạnh Cường vay	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Cho Bà Tô Mỹ Phấn vay	69.600.000.000	-	83.000.000.000	-
Cho Ông Mạch Quốc Phong vay	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	474.445.257.617	-	213.125.678.351	-
Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	10.021.856.468	-
Cho Ông Cao Minh Sơn vay với lãi suất 7%/năm	38.090.900.000	(38.090.900.000)	38.090.900.000	(38.090.900.000)
Công ty TNHH Venus HCMC	208.500.000.000	-	169.228.150.000	-
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay	227.023.185.380	-	225.950.000.000	-
Cộng	1.532.019.342.997	(38.090.900.000)	1.253.776.584.819	(38.090.900.000)

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>			<i>50.000.000</i>	-
Bà Phạm Việt Lan Anh - tạm ứng			50.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>242.478.386.935</i>	<i>(11.733.252.703)</i>	<i>205.222.732.073</i>	<i>(11.087.092.717)</i>
Tạm ứng	3.863.422.809	-	833.534.172	-
Lãi cho vay	81.999.189.585	(5.480.034.031)	27.941.782.229	(4.833.874.045)
Lãi dự thu	250.769.863	-	1.572.990.866	-
Cổ tức phải thu	-	-	265.181.854	-
Đặt cọc thực hiện hợp đồng ⁽¹⁾	146.039.389.000	-	146.039.389.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - ký quỹ ủy thác đầu tư		-	19.723.500.000	-
Ông Đoàn Quang Sang – phải thu khác	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	49.200.000	-	289.399.486	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.276.415.678	(2.253.218.672)	4.556.954.466	(2.253.218.672)
Cộng	242.478.386.935	(11.733.252.703)	205.272.732.073	(11.087.092.717)

- (i) Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group cho Quỹ đầu tư cơ hội PVI để mua cổ phiếu theo các Hợp đồng mua bán cổ phiếu được ký vào ngày 24 tháng 11 năm 2022 và 29 tháng 11 năm 2022.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh - ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.100.667.000	1.100.667.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - ký quỹ thuê tài chính	5.283.089.119	5.251.089.118
Công ty Cổ phần Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Sài Gòn – ký quỹ	594.000.000	594.000.000
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		5.359.409.869
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	1.669.909.904	1.781.909.904
Cộng	8.647.666.023	14.087.075.891

7. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Cao Minh Sơn – phải thu cho vay	Trên 3 năm	38.090.900.000	-	Trên 3 năm	38.090.900.000	-
Ông Cao Minh Sơn – phải thu lãi cho vay	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.126.194.014	646.159.983	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.126.194.014	1.292.319.969
Ông Đoàn Quang Sang – phải thu khác	Trên 3 năm	4.000.000.000	-	Trên 3 năm	4.000.000.000	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	3.655.246.007	123.889.572	Trên 3 năm	3.655.246.007	123.889.572
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	197.931.499	-	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	197.931.499	-
Cộng		52.070.271.520	770.049.555		52.070.271.520	1.416.209.541

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	50.654.061.979	35.622.139.595
Trích lập dự phòng bổ sung	646.159.986	6.417.250.242
Số cuối năm	51.300.221.965	42.039.389.837

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường		-	4.995.283.400	-
Nguyên liệu, vật liệu	64.420.596.993	-	66.004.559.915	-
Công cụ, dụng cụ	1.816.022.942	-	1.943.893.705	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	124.328.721.511	-	91.220.983.303	-
Thành phẩm	16.996.149.479	(92.622.685)	11.740.215.662	(92.622.685)
Hàng hóa	337.768.732	-	545.302.124	-
Hàng gửi đi bán	745.795.898	-	-	-
Cộng	208.645.055.555	(92.622.685)	176.450.238.109	(92.622.685)

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	316.875.096	963.368.990
Chi phí quảng cáo	1.122.702.632	1.786.500.000
Chi phí bảo hiểm	13.041.733	688.133.641
Viễn thông, cước đường truyền	1.706.902.867	564.300.000
Chi phí thuê đất	2.506.469.461	884.898.326
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.753.504.871	2.026.968.613
Cộng	10.419.496.660	6.914.169.570

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất Khu công nghiệp ⁽ⁱ⁾	49.368.967.755	50.311.325.049
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	2.260.807.393	5.114.684.453
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.565.389.804	3.819.069.017
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.431.799.309	255.360.378
Cộng	56.626.964.261	59.500.438.897

⁽ⁱ⁾ Trong đó, toàn bộ quyền sử dụng đất thuê tại Khu công nghiệp Đồng An và Khu công nghiệp Nhơn Trạch đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.23a và V.23b).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	480.039.546.230	402.525.083.202	32.086.185.228	11.412.672.169	4.795.764.174	930.859.251.003
Tăng do hợp nhất kinh doanh						
Mua trong năm	-	2.985.056.023	-	-	230.450.754	3.215.506.777
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.668.721.967	-	-	63.300.000	4.732.021.967
Thanh lý trong năm	-	(3.517.111.220)	(619.983.636)	-	-	(4.137.094.856)
Giảm do thanh lý công						

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh •

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
ty con						
Số cuối năm	480.039.546.230	406.661.749.972	31.466.201.592	11.412.672.169	5.089.514.928	934.669.684.891
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	33.993.812.874	163.373.198.169	9.325.861.694	8.407.189.269	2.096.131.998	217.196.194.004
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	116.423.469.260	251.355.894.319	19.801.696.313	10.124.381.415	3.647.351.960	401.352.793.267
Tăng do hợp nhất kinh doanh						
Khấu hao trong năm	8.470.166.697	17.065.292.850	1.530.885.420	197.911.672	267.804.898	27.532.061.537
Thanh lý trong năm		(1.158.449.724)	(619.983.636)			
Giảm do thanh lý công ty con						
Số cuối năm	124.953.246.533	266.866.595.621	19.727.459.855	10.262.682.521	3.915.156.858	425.725.141.388
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	363.616.076.970	151.169.188.883	12.284.488.915	1.288.290.754	1.148.412.214	529.506.457.736
Số cuối năm	355.086.299.697	139.795.154.351	11.738.741.737	1.149.989.648	1.174.358.070	508.944.543.503
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 425.151.889.074 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Financing for Healthier Lives, DAC (xem thuyết minh số V.23a và V.23b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	178.530.168.989	884.583.636	179.414.752.625
Số cuối năm	178.530.168.989	884.583.636	179.414.752.625
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	63.477.845.696	360.729.387	63.838.575.083
Khấu hao trong năm	8.878.882.192	44.229.180	8.923.111.372
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(1.123.058.563)	-	(1.123.058.563)
Số cuối năm	71.233.669.325	404.958.567	71.638.627.892
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	115.052.323.293	523.854.249	115.576.177.542
Số cuối năm	104.658.736.162	479.625.069	105.138.361.231

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	11.295.158.727	50.797.533.344	3.001.622.347	65.094.314.418
Mua trong năm	-	3.361.745.000	-	3.361.745.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành				
Thanh lý trong năm				
Số cuối năm	11.295.158.727	54.159.278.344	3.001.622.347	68.456.059.418
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.457.763.013	19.890.187.162	-	24.347.950.175
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	8.009.532.865	36.507.274.557	859.871.720	45.376.679.142
Khấu hao trong năm	68.373.960	1.924.365.536	113.738.058	2.106.477.554
Thanh lý trong năm				
Số cuối năm	8.077.906.825	38.431.640.093	973.609.778	47.483.156.696
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.285.625.862	14.290.258.787	2.141.750.627	19.717.635.276
Số cuối năm	3.217.251.902	15.727.638.251	2.028.012.569	20.972.902.722
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	3.267.436.126	4.668.721.967	(4.668.721.967)		3.267.436.126
Xây dựng cơ bản dở dang	1.281.885.090	827.439.321	(73.281.821)	(214.480.000)	1.281.885.090
<i>Các hạng mục khác</i>	<i>1.281.885.090</i>	<i>827.439.321</i>	<i>(73.281.821)</i>	<i>(214.480.000)</i>	<i>1.281.885.090</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.311.882.400	-	-	-	2.311.882.400
Cộng	6.861.203.616	5.496.161.288	(4.742.003.788)	(214.480.000)	7.400.881.116

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối kỳ
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.231.300.050	110.758.223	1.120.541.827
Dự phòng chứng khoán kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí và Đúc kim loại Sài Gòn	909.000.000		
Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ	1.318.979.336	1.559.545.298	(240.565.962)
Chi phí phân bổ quyền sử dụng đất tại số 54B Ngô Chi Quốc, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1.052.980.000	-	1.052.980.000
Trích trước các khoản chi phí hoạt động	25.910.387	(34.376.043)	60.286.430
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ khác	12.371.456.687	8.199.200.005	4.172.256.682

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		
	Số đầu năm	trong năm	Số cuối kỳ
	16.909.626.460	9.835.127.483	7.074.498.977

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.283.282.551	20.007.418.172	28.936.020.319	33.802.737.463	68.789.068.614	165.818.527.119
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	14.283.282.551	20.007.418.172	28.936.020.319	33.802.737.463	68.789.068.614	165.818.527.119
Số đã phân bổ						
Số đầu năm	14.283.282.551	20.007.418.172	13.305.009.719	7.183.081.710	961.162.329	55.739.954.481
Phân bổ trong năm	-	-	1.302.584.217	1.690.136.873	3.439.453.427	6.432.174.517
Số cuối năm	14.283.282.551	20.007.418.172	14.607.593.936	8.873.218.583	4.400.615.756	62.172.128.998
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	-	15.631.010.600	26.619.655.753	67.827.906.285	110.078.572.638
Số cuối năm	-	-	14.328.426.383	24.929.518.880	64.388.452.858	103.646.398.121

16. Phải trả người bán**16a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kurabo International co., ltd (head office)	8.931.802.626	-
Công ty TNHH MTV Pangrim Neotex	-	5.699.552
E.8 Denim House, LLC.	4.843.457.913	3.674.194.921
Yadong (Hong Kong) International Trading Co. Ltd	-	7.428.870.849
Foshan Blue Denim Textile Import & Export co., Ltd	5.090.465.513	-
Công ty TNHH YKK Việt Nam	1.948.234.941	-
Công ty TNHH MTV Dệt Vải Vinatex Quốc Tế	1.197.902.809	-
Công Ty TNHH Turkish Asia Tex	2.261.327.250	-
Công Ty TNHH TM Sản Xuất XNK Như Tuệ	2.448.520.410	-
Công ty TNHH Việt Thắng Jean	2.744.861.600	8.662.487.739
Công ty TNHH TM DV XNK Mỹ Tường	1.452.763.913	-
Các nhà cung cấp khác	23.553.646.202	41.431.985.804
Cộng	54.472.983.177	61.203.238.865

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Địa ốc Tân Phú	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khách hàng khác	659.898.833	736.942.551
Cộng	9.659.898.833	9.736.942.551

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.467.455	-	421.477.008	(435.104.190)	840.273	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	390.516	-	34.050.953	(34.050.953)	390.516	
Thuế xuất, nhập khẩu	418.410	-	1.097.547	(1.097.547)	418.410	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.315.859.594	860.825.996	16.672.274.703	(28.613.320.144)	12.524.889.742	10.901.585
Thuế thu nhập cá nhân	1.373.214.122	225.922.666	11.833.833.608	(11.561.091.987)	1.495.682.267	75.649.190
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	28.471.187	(28.471.187)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	5.814.941.262	(2.313.713.797)	3.501.227.465	
Các loại thuế khác	346.020.994	435.461	3.014.005.374	(3.087.668.595)	279.166.428	7.244.116
Cộng	27.050.371.091	1.087.184.123	37.820.151.642	(46.074.518.400)	17.802.615.101	93.794.891

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu	: 0%
- Bông, băng, gạc y tế và khẩu trang y tế	: 5%
- Bông tẩy trang, tấm bông, hàng hóa tiêu thụ trong nước khác	: 10%
- Dịch vụ	: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh của từng công ty trong Tập đoàn trong năm như sau:

Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	6.526.323.047
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	944.904.367
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	3.991.351.962
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	173.933.906
Công Ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	920.000.000
Cộng	12.556.513.282

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác với mức thuế suất 8%.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Mức tiền thuê (VND/năm)
- Số 54B Ngô Chí Quốc, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	549.813.014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Số 47 Đường số 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1.160.784.768
- Số 19 Dân Chủ, phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	387.508.608
- Số 284/1 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	674.647.680
- Số 66 Trần Bình Trọng, Phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	90.167.501
- Số 69 Trần Bình Trọng, Phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	808.248.730
- Số 71/1 Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	573.202.017
- Số 100 Lê Lợi, Phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	461.560.320

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. **Phải trả người lao động**
Tiền lương và tiền thưởng còn phải trả.

20. **Chi phí phải trả**
20a. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	11.644.063.716	12.002.130.778
Lãi trái phiếu phải trả	5.641.232.877	5.628.287.672
Chi phí khác	17.590.423.172	11.931.116.534
Cộng	34.875.719.765	29.561.534.984

- 20b. **Chi phí phải trả dài hạn**
Chi phí lãi vay phải trả Bà Dương Thị Thảo (là bên liên quan).

21. **Phải trả khác**
21a. **Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	517.315.566	13.500.000
Thành viên Hội đồng quản trị - thù lao phải trả	517.315.566	13.500.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	13.733.745.087	12.552.676.359
Kinh phí công đoàn, các khoản phải trả cơ quan bảo hiểm	2.099.639.532	1.356.349.492
Nhận ký quỹ ngắn hạn khác	1.000.000.000	1.175.000.000
Cổ tức phải trả	1.828.450.249	1.828.450.249
Trợ cấp ốm đau, thai sản phải trả cho nhân viên	102.014.021	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.703.641.285	8.192.876.618
Cộng	14.233.745.087	12.566.176.359

- 21b. **Phải trả dài hạn khác**
Các khoản nhận ký quỹ thuê mặt bằng dài hạn.

- 21c. **Nợ quá hạn chưa thanh toán**
Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. **Vay và nợ thuê tài chính**
22a. **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	188.921.451.307	195.855.815.547
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	208.078.917.270	13.285.124.578
Vay Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	200.000.000.000	13.829.417.726
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	39.000.000.000	-
Vay Dương Thị Thảo đến hạn trả (bên liên quan)	99.000.000.000	-
Trái phiếu thường ngắn hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	184.978.333.340	334.902.333.336
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	47.880.000.000	55.880.000.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	18.848.591.945	19.265.187.095
Cộng	986.707.293.862	633.017.878.282

(i) Bao gồm các khoản vay sau:

- Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 với lãi suất được xác định theo từng thời kỳ, thời hạn vay 6 tháng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết với lãi suất quy định theo từng Giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty (xem các thuyết minh số V.9b và V.10).

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định theo từng thời kỳ, thời hạn vay 6 tháng.

(iii) Thông tin chi tiết về trái phiếu thường ngắn hạn của Tập đoàn như sau:

- Tên trái phiếu : Trái phiếu Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
- Mã trái phiếu : SGCCH2223001
- Thời điểm phát hành : 16/9/2022
- Kỳ hạn gốc : 1 năm
- Số lượng trái phiếu phát hành : 1.850 trái phiếu
- Mệnh giá : 100.000.000 VND
-
- Lãi suất : Nợ gốc của Trái phiếu sẽ chịu lãi với mức lãi suất cố định là 10,5%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán theo từng kỳ tính lãi mỗi 6 tháng/ lần bắt đầu từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn và trả sau, định kỳ vào ngày trả lãi.
- Tài sản đảm bảo : Cổ phiếu các Công ty ở Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group (7.000.000 cổ phiếu)
 - + Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (24.000.000 cổ phiếu)Tổ chức phát hành phải cam kết duy trì tổng giá trị tài sản đảm bảo/tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm định giá

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- ít nhất bằng 140% trái phiếu lưu hành tại thời điểm định giá.
- Mục đích sử dụng vốn : Tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty và/hoặc cơ cấu lại nguồn vốn Công ty
 - Mua lại trái phiếu : Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital không có kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn. Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital có thể bị bắt buộc mua lại Trái Phiếu trước hạn theo quy định của các điều kiện, điều khoản khác của trái phiếu quy định tại các văn kiện trái phiếu có liên quan.
Vào ngày đáo hạn, tổ chức phát hành sẽ mua lại 100% số lượng trái phiếu mỗi người sở hữu trái phiếu đang sở hữu.
 - Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu : Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital sử dụng toàn bộ vốn từ phát hành trái phiếu để cơ cấu lại nguồn vốn: trả nợ, giá trị giải ngân: 185 tỷ đồng, thời gian giải ngân: quý 3 năm 2022.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Giảm do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	222.970.357.851	944.499.956.519	-	3.157.632.253	(534.627.577.541)	636.000.369.082
Trái phiếu thường ngắn hạn	334.902.333.336	-	-	-	(149.923.999.996)	184.978.333.340
Vay dài hạn đến hạn trả	55.880.000.000	-	154.880.000.000	-	(63.880.000.000)	146.880.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	19.265.187.095	-	9.382.971.845	(4.793.109)	(9.794.774.390)	18.848.591.440
Cộng	633.017.878.282	944.499.956.519	164.262.971.845	3.152.839.144	(758.226.351.927)	986.707.293.862

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Bà Dương Thị Thảo (là bên liên quan) ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	125.000.000.000
Vay Bà Đỗ Trúc Thông	15.820.000.000	15.820.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	131.000.000.000	149.000.000.000
Vay Financing for Healthier Lives, DAC ⁽ⁱⁱⁱ⁾	107.120.000.000	106.920.000.000
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	32.496.346.476	42.514.408.157
Cộng	301.436.346.476	439.254.408.157

⁽ⁱ⁾ Khoản vay không tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Thảo (là bên liên quan) được sử dụng vào mục đích đầu tư tài chính, thời hạn vay 24 tháng với lãi suất 14%/năm. Số tiền vay và lãi vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.

⁽ⁱⁱ⁾ Bao gồm các khoản vay sau:

- Khoản vay để thanh toán các chi phí đầu tư của dự án Nhà máy May và hoàn thiện các sản phẩm may mặc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 9 năm 2020. Khoản vay này được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị của Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean (xem thuyết minh số V.9b và V.10).

(iii) Khoản vay Financing for Healthier Lives, DAC để đáp ứng nhu cầu của đơn vị liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ y tế theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, với lãi suất hàng năm là Libor 6 tháng tính theo Đô la Mỹ cộng với 5,8%/năm, thời hạn vay 05 năm. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch thanh toán cụ thể, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 9 năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty như sau:

- Phong tỏa khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11 TP. Hồ Chí Minh tại ngày kết thúc năm tài chính với số tiền là 11.174.858.203 VND để đảm bảo cho mục đích mua tài sản cố định (xem thuyết minh số V.1).
- Thế chấp một số máy móc, thiết bị tại B52-B54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.10).

(iv) Khoản nợ phải trả về thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê sau:

- Hợp đồng thuê số 74.18.02/CTTC ngày 17 tháng 7 năm 2018 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 788.000,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 669.800,00 EUR, số tiền trả trước 118.200,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 12 tháng 11 năm 2018. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 27.877,94 USD (xem thuyết minh số V.6b).
- Hợp đồng thuê số 74.18.03/CTTC ngày 17 tháng 7 năm 2018 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 2.613.560,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 2.221.526,00 EUR, số tiền trả trước 392.034,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 7 tháng 12 năm 2018. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 92.462,78 USD. Theo hợp đồng ủy thác nhập khẩu số 74.18.03-1/UTNK ngày 17 tháng 7 năm 2018, tổng giá trị tài sản là 1.938.150,00 EUR, khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường tương đương 3% tổng giá trị tài sản là 58.144,50 EUR (xem thuyết minh số V.6b).
- Hợp đồng thuê số 83.18.07/CTTC ngày 17 tháng 7 năm 2018 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 2.080.700,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 1.768.595,00 EUR, số tiền trả trước 312.105,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 30 tháng 01 năm 2019. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 62.421,00 EUR (xem thuyết minh số V.6b).
- Hợp đồng thuê số 83.18.08/CTTC ngày 17 tháng 7 năm 2018 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 434.000,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 368.900,00 EUR, số tiền trả trước 65.100,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 10 tháng 12 năm 2018. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 13.020,00 EUR (xem thuyết minh số V.6b).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng thuê 83.18.11/CTTC ngày 18 tháng 11 năm 2018 để thuê xe ô tô Toyota Hiace biển số 51B-275.54. Tổng giá trị tài sản là 970.700.000 VND, giá trị cho thuê theo hợp đồng là 757.600.000 VND (trong đó thuế giá trị gia tăng là 67.211.041VND), thời gian cho thuê là 60 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, lãi suất 9,3%/năm, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 03 tháng 12 năm 2018.

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay và nợ dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Giảm do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	149.000.000.000		(18.000.000.000)			131.000.000.000
Vay tổ chức khác	106.920.000.000			200.000.000		107.120.000.000
Vay cá nhân	140.820.000.000	15.000.000.000	(125.000.000.000)			30.820.000.000
Nợ thuê tài chính	<u>42.514.408.157</u>		<u>(9.382.972.350)</u>	<u>33.289.221</u>	<u>(668.378.552)</u>	<u>32.496.346.476</u>
Cộng	<u>439.254.408.157</u>	<u>15.000.000.000</u>	<u>(152.382.972.350)</u>	<u>233.289.221</u>	<u>(668.378.552)</u>	<u>301.436.346.476</u>

22c. *Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán*

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi còn phải trả tại Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 và Công ty Cổ phần May da Sài Gòn.

24. **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản hoãn nhập dự phòng đầu tư tài chính đã trích lập cho các công ty trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	73.068.652.932
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	3.694.683.276
Giảm khác	-
Số cuối năm	<u>76.763.336.208</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

25. **Dự phòng phải trả**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.280.865.700	6.718.939.200
Tăng do trích lập		-
Số sử dụng	(678.156.563)	(580.113.458)
Số cuối năm	<u>5.602.709.137</u>	<u>6.138.825.742</u>

26. **Vốn chủ sở hữu**

26a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Quốc Việt	152.695.290.000	152.695.290.000
Ông Phạm Xuân Hồng	39.777.270.000	39.777.270.000
Bà Cao Thị Quỳnh Liên	-	52.163.960.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	139.444.290.000	139.444.290.000
Các cổ đông khác	422.730.150.000	370.566.190.000
Cộng	754.647.000.000	754.647.000.000

26c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.464.700	75.464.700
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	75.464.700	75.464.700
- Cổ phiếu phổ thông	75.464.700	75.464.700
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.464.700	75.464.700
- Cổ phiếu phổ thông	75.464.700	75.464.700
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**27a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	4.122.736.498	5.762.027.102
Trên 01 năm đến 05 năm	12.165.028.182	8.031.261.395
Trên 5 năm	38.483.834.272	38.801.736.211
Cộng	54.771.598.952	52.595.024.708

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tiền thuê 11.906,9 m² đất tại số 54B Ngô Chí Quốc, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 30.303 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2003.
- Tiền thuê 21.139 m² đất tại số 47 Đường số 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 26.830 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 46 năm tính từ ngày 09 tháng 01 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 6.693 m² đất tại số 71/1 Quang Trung, Phường 14, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh bao gồm 6.532,14 m² với giá thuê là 82.368 VND/m²/năm và 160,86 m² với giá thuê 218.592 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 41 năm tính từ ngày 27 tháng 01 năm 2005.
- Tổng số tiền thuê 3.216 m² kho tại số 100 Lê Lợi, Phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 143.520 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 41 năm tính từ ngày 27 tháng 01 năm 2005.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tiền thuê tại Lầu 2, Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê có kỳ hạn 4 năm, hết hạn vào ngày 29 tháng 4 năm 2026, với giá thuê có thuế giá trị gia tăng là 180.000.000 VND/tháng

27b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.483.847,28	3.552.040,41
Euro (EUR)	1.161,33	15,59

27c. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền gia công Blue Ambrosia Inc với số tiền 1.739.722.444 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	80.490.732
Doanh thu bán thành phẩm	538.986.525.398	594.893.985.575
Doanh thu gia công	31.156.433.433	97.977.220.590
Doanh thu dịch vụ tài chính	14.593.104.875	48.291.274.872
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	3.006.093.236
Doanh thu khác	2.111.063.433	1.546.317.842
Cộng	586.847.127.139	745.795.382.847

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	6.106.711.689	6.469.014.084
Hàng bán bị trả lại	747.936.995	305.322.736
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	6.854.648.684	6.774.336.820

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	516.206.559
Giá vốn thành phẩm đã bán	409.402.504.027	460.744.103.865
Giá vốn gia công	59.666.547.930	87.957.641.252
Giá vốn dịch vụ cho thuê	8.878.882.192	8.926.508.478
Giá vốn dịch vụ tài chính	13.667.585.538	15.457.192.653
Chi phí kinh doanh bất động sản	-	912.821.673

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn khác	34.000.000	783.632.662
Cộng	491.649.519.687	575.298.107.142
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.811.920.927	10.121.056.396
Lãi tiền cho vay	81.277.536.971	82.115.220.441
Lãi đầu tư trái phiếu	120.501.370	
Cổ tức được chia	1.791.900.000	9.326.927.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.843.913.062	10.337.858.093
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	243.993.029.355
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	26.060.070.109	24.803.146.144
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	23.261.495.378	-
Doanh thu tài chính khác	453.546.864	156.311.272
Cộng	154.620.884.681	380.853.548.701
5. Chi phí tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	37.118.707.521	56.233.944.376
Chi phí lãi trái phiếu	9.818.956.440	
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(44.345.716.800)	32.920.260.276
Hoàn nhập dự phòng do thay đổi từ chứng khoán kinh doanh sang liên kết do hợp nhất		
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	12.647.842.207	6.929.539.335
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.680.083.301	3.952.485.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.814.996.535	4.735.696.199
Chi phí tài chính khác	7.554.152.665	688.087.528
Cộng	29.289.021.869	105.460.013.022
6. Chi phí bán hàng		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.800.085.120	8.509.032.468
Chi phí vật liệu, bao bì	202.174.091	634.736.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	544.560.341	355.202.461
Chi phí hoa hồng môi giới	859.936.019	-
Chi phí xuất hàng	7.207.076.809	5.306.443.430
Các chi phí khác	9.126.841.883	9.673.080.638
Cộng	31.740.674.263	24.478.495.677

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	56.789.351.371	62.093.554.460
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.536.372.406	6.923.709.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.605.212.609	7.670.284.166
Thuế, phí và lệ phí	2.077.327.332	2.484.499.535
Trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc và quỹ tiền lương	(26.799.959.145)	24.649.999.999
Dự phòng phải thu khó đòi	646.159.986	6.417.250.242
Lợi thế thương mại phân bổ	6.432.174.521	3.098.390.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.902.231.797	9.321.336.006
Chi phí bằng tiền khác	8.573.533.704	8.908.544.979
Cộng	65.762.404.581	131.567.568.814

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	72.000.000	809.851.594
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		6.320.778
Thu nhập tiền điện năng lượng mặt trời	237.693.900	176.582.400
Các khoản thu nhập khác	396.909.256	22.302.203
Cộng	706.603.156	1.015.056.975

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Lỗ thanh lý công cụ dụng cụ, chi phí trả trước	691.011.710	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.162.201.856	55.191.750
Chi phí khấu hao cho thuê xe	89.081.862	84.166.712
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.041.051.259	2.632.770.061
Chi phí khác	180.775.190	114.438.964
Cộng	4.164.121.877	2.886.567.487

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	53.592.628.669	254.033.919.303
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		(4.017.315.566)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	53.592.628.669	250.016.603.737
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	75.464.700	75.464.700
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	710	3.313

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng thành viên và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Quốc Việt		
Lãi cho vay	-	555.890.410
Bà Dương Thị Thảo		
Vay tiền	15.000.000.000	325.000.000.000
Chi phí lãi vay	8.270.356.163	10.730.136.986

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5, V.6a, V.20b, V.21a và V.22b.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị	3.194.530.597	2.817.260.583
Ông Phạm Xuân Hồng	370.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Khánh Linh	1.035.500.000	1.592.766.172
Ông Nguyễn Quốc Việt	1.389.030.597	1.104.494.411
Bà Nguyễn Ngọc Điệp	220.000.000	-
Nguyễn Đăng Khoa	120.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Phan Phương Anh	60.000.000	-
Ban Kiểm soát	1.133.406.863	906.675.581
Bà Phạm Viết Lan Anh	390.241.000	539.835.352
Ông Lê Ngọc Hùng	693.165.863	366.840.229
Nguyễn Hoàng Giang	50.000.000	
Cộng	4.327.937.460	3.646.751.278

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Quỹ đầu tư Cơ hội PAVO (POIF)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	Cổ đông sở hữu 18,48% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI)	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Luật Hợp danh Anh Quân	Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Ban điều hành công ty này
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Thành viên Ban kiểm soát công ty là Trưởng ban kiểm soát công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	Thành viên Ban kiểm soát công ty là thành viên Ban điều hành công ty này

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a.

Giá dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.5 và V.6a.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là các đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc;
- Đầu tư tài chính và kinh doanh chứng khoán;
- Các lĩnh vực khác: kinh doanh bất động sản, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm y tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập

Tạ Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

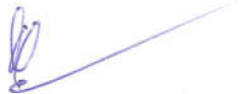
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	754.647.000.000	225.070.638.380	-	10.803.664.400	807.198.721.749	464.541.249.616	2.262.261.274.145
Tăng phần vốn của cổ đông không kiểm soát do Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital thoái I phần vốn Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công trong kỳ trước	-	-	-	-	43.083.038.288	115.764.165.657	158.847.203.945
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	254.033.919.303	7.717.996.496	261.751.915.799
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(31.633.085)	(5.226.250)	(36.859.335)
Số dư cuối kỳ trước	754.647.000.000	225.070.638.380	-	10.803.664.400	1.104.284.046.255	588.018.185.519	2.682.823.534.554
Số dư đầu kỳ này	754.647.000.000	225.070.638.380	-	10.803.664.400	1.155.182.771.113	571.394.799.966	2.717.098.873.859
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	53.592.628.669	30.875.427.902	84.468.056.571
Thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, BQL	-	-	-	-	(4.017.315.566)	-	(4.017.315.566)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	1.796.138	(52.996)	1.743.142
Số dư cuối kỳ này	754.647.000.000	225.070.638.380	-	10.803.664.400	1.204.759.880.354	602.270.174.872	2.797.551.358.006



Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập



Tạ Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc